

KẾ HOẠCH
Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2022-2025, tỉnh Thanh Hóa

Trong những năm qua, công tác phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa đã có những bước phát triển đáng kể, chuyển từ bị động ứng phó sang chủ động phòng ngừa; các cấp, các ngành trong tỉnh ngày càng chủ động hơn trong công tác phòng, chống thiên tai, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Tuy nhiên, do đặc điểm vị trí địa lý, Thanh Hóa chịu ảnh hưởng của hai hình thái thời tiết Bắc Bộ và Trung Bộ; hầu như năm nào Thanh Hóa cũng phải chịu ảnh hưởng của các loại hình thiên tai như: bão, lũ, ngập lụt, mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất, lốc, sét, hạn hán, xâm nhập mặn,...; thiệt hại do thiên tai gây ra đối với Thanh Hóa là hết sức nặng nề, không những gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường sinh thái mà còn tác động sâu sắc tới sự phát triển kinh tế - xã hội. Mặc dù tỉnh đã chỉ đạo thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp, giải pháp và đạt được những kết quả đáng kể trong những năm qua nhưng do còn hạn chế về nguồn lực nên còn nhiều công trình phòng, chống thiên tai xung yếu chưa được đầu tư tu bổ, sửa chữa, nâng cấp; phần lớn dân cư sinh sống tại những khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai chưa được di dời đến nơi an toàn; vật tư, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn còn hạn chế,....

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương; UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2022-2025, tỉnh Thanh Hóa nhằm chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai; ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới.

PHẦN I
CĂN CỨ PHÁP LÝ; MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017.
- Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.
- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai.
- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.
- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
- Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.
- Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 09/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, củng cố và nâng cao năng lực cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.
- Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia đến năm 2025.
- Kế hoạch hành động số 200-KH/TU ngày 29/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.
- Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động của UBND tỉnh Thanh Hóa thực hiện Quyết định số 987/QĐ-TTg ngày 09/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch hành động số 200-KH/TU ngày 29/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.
- Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu tổn thất về người và tài sản của nhân dân và nhà nước; cùng với cả nước từng bước xây dựng quốc gia có khả năng quản lý rủi ro thiên tai, cộng đồng, xã

hội an toàn trước thiên tai, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững an ninh, quốc phòng.

b) Phấn đấu đến năm 2025

- Giảm 30% thiệt hại về người đối với các loại hình thiên tai có cường độ, quy mô tương đương đã xảy ra trong giai đoạn 2015-2020.

- Từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về phòng, chống thiên tai của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho quản lý, chỉ đạo, chỉ huy và triển khai công tác phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn.

- Tổ chức, lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai được kiện toàn theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả; từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Phấn đấu 100% chính quyền các cấp, cơ quan, tổ chức và hộ gia đình trên địa bàn tỉnh được tiếp nhận đầy đủ thông tin về thiên tai; 100% lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai được đào tạo, tập huấn, phổ biến kỹ năng về phòng, chống thiên tai, đặc biệt là với các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao năng lực theo dõi giám sát, dự báo, cảnh báo thiên tai đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phòng, chống thiên tai.

- Tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai theo hướng đồng bộ, liên thông, theo thời gian thực.

- Nâng cao khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng, công trình phòng, chống thiên tai, nhất là hệ thống đê điều, hồ đập, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, đảm bảo an toàn trước thiên tai theo mức thiết kế, không làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai.

2. Yêu cầu

a) Phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của cấp trên; tình hình thực tế và nguồn lực của tỉnh. Phòng, chống thiên tai là nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị, là trách nhiệm và nghĩa vụ của toàn dân, toàn xã hội trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, tổ chức và cá nhân chủ động, cộng đồng hỗ trợ, giúp nhau. Đề cao vai trò chủ động tại cơ sở và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

b) Kế hoạch phòng, chống thiên tai được thực hiện đồng bộ theo 3 giai đoạn: phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả, trong đó lấy nội dung chủ động phòng ngừa là chính.

c) Phòng, chống thiên tai phải theo hướng quản lý, phòng ngừa rủi ro theo lưu vực, liên vùng, liên ngành; nội dung phòng, chống thiên tai phải được lồng ghép trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả

tỉnh, địa phương và chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, phải tính toán đầy đủ các tác động của thiên tai, hạn chế làm gia tăng rủi ro thiên tai.

d) Phòng, chống thiên tai phải thực hiện theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, sử dụng hiệu quả nguồn lực của nhà nước, phát huy mọi nguồn lực và trách nhiệm của cộng đồng, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài tỉnh.

đ) Phòng, chống thiên tai trên cơ sở ứng dụng công nghệ tiên tiến; kế thừa, phát huy những kinh nghiệm truyền thống; thúc đẩy hợp tác, trao đổi, chia sẻ thông tin với các địa phương trong nước, ngoài nước và các tổ chức quốc tế.

PHẦN II

ĐẶC ĐIỂM VỀ TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI, KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH THANH HÓA

I. ĐẶC ĐIỂM VỀ TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Vị trí địa lý, đặc điểm địa hình

1.1. Vị trí địa lý: Tỉnh Thanh Hóa có tọa độ địa lý như sau: 19⁰18'-20⁰40' vĩ độ Bắc, 104⁰22'-106⁰05' kinh độ Đông; phía Bắc giáp 3 tỉnh Sơn La, Hòa Bình, Ninh Bình với đường ranh giới dài 175 km; phía Nam giáp Nghệ An với đường ranh giới dài 160 km; phía Đông giáp biển Đông với chiều dài đường bờ biển 102 km; phía Tây giáp tỉnh Hủa Phăn của nước CHDCND Lào với đường biên giới dài 213,6 km. Do đặc điểm vị trí địa lý, Thanh Hóa chịu ảnh hưởng của hai hình thái thời tiết Bắc Bộ và Trung Bộ nên thường xuyên chịu tác động của hầu hết các loại hình thiên tai hiện nay (trừ sóng thần).

1.2. Đặc điểm địa hình: Thanh Hóa có địa hình khá phức tạp, chia cắt nhiều, thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam, 3/4 diện tích là đồi núi và được phân thành 3 vùng địa lý rõ rệt, gồm vùng miền núi, đồng bằng và ven biển:

- Vùng miền núi: Gồm 11 huyện (Nhu Xuân, Nhu Thanh, Thường Xuân, Lang Chánh, Bá Thước, Quan Hóa, Quan Sơn, Mường Lát, Ngọc Lặc, Cẩm Thủy và Thạch Thành). Vùng có độ cao trung bình từ 600-700 m, độ dốc trên 25%, địa hình phức tạp, chia cắt gây trở ngại cho phát triển kinh tế - xã hội; là khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của các loại hình thiên tai như lũ, lũ quét, sạt lở đất, mưa đá, rét hại, lốc, sương muối, cháy rừng do tự nhiên,....

- Vùng đồng bằng: Gồm 10 huyện, thị xã, thành phố (thành phố Thanh Hóa, thị xã Bỉm Sơn và các huyện: Thọ Xuân, Thiệu Hóa, Yên Định, Đông Sơn, Vĩnh Lộc, Triệu Sơn, Nông Cống, Hà Trung). Vùng có độ cao trung bình từ 2-15 m, địa hình bằng phẳng, đất đai chủ yếu là phù sa bồi đắp bởi hệ thống sông Mã, sông Yên và sông Hoạt; là khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của các loại hình thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, ngập lụt, hạn hán,....

- Vùng ven biển: Gồm 6 huyện, thị xã, thành phố (thành phố Sầm Sơn, thị xã Nghi Sơn và các huyện: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Quảng Xương) với

chiều dài bờ biển là 102 km. Vùng đất ven biển nằm ở phía trong các bãi cát có độ cao trung bình từ 3-6 m; ngoài ra còn có một số vùng sinh lầy tại huyện Nga Sơn và các cửa sông thuộc hệ thống sông Mã, sông Yên; là khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của các loại hình thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng,....

2. Đặc điểm dân số: Dân số toàn tỉnh khoảng 3,716 triệu người; mật độ dân số 334 người/km²; thành thị chiếm 26,7%, nông thôn chiếm 73,7%; toàn tỉnh có 67.335 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 6,74%. Theo kết quả thống kê, rà soát (tính đến tháng 12/2021) trên địa bàn tỉnh có 110.922 hộ/437.907 nhân khẩu đang sinh sống tại các khu vực nguy hiểm cần phải sơ tán khi có thiên tai xảy ra, cụ thể như sau:

- Vùng miền núi: Dân số 11 huyện vùng miền núi Thanh Hóa khoảng 0,934 triệu người; trong đó có 15.768 hộ/64.896 nhân khẩu đang sinh sống tại các khu vực nguy hiểm cần phải sơ tán khi có thiên tai xảy ra, cụ thể: 3.801 hộ/16.464 nhân khẩu đang sinh sống tại khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở đất; 2.512 hộ/10.850 nhân khẩu đang sinh sống tại khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét; 3.025 hộ/12.261 nhân khẩu sinh sống tại khu vực trũng thấp có nguy cơ xảy ra ngập lụt khi có mưa lớn; 4.031 hộ/16.134 nhân khẩu sinh sống tại khu vực ven sông nơi không có đê có nguy cơ ngập lụt khi có lũ; 2.399 hộ/9.187 nhân khẩu sinh sống tại bãi sông trên các tuyến sông có đê cần phải sơ tán khi có lũ.

- Vùng đồng bằng: Dân số 10 huyện, thị xã, thành phố vùng đồng bằng khoảng 1,651 triệu người; trong đó có 39.665 hộ/148.361 nhân khẩu đang sinh sống tại các khu vực nguy hiểm cần phải sơ tán khi có thiên tai xảy ra, cụ thể: 23.925 hộ/88.201 nhân khẩu sinh sống tại bãi sông trên các tuyến sông có đê cần phải sơ tán khi có lũ; 7.042 hộ/28.691 nhân khẩu sinh sống tại khu vực ven sông nơi không có đê cần phải sơ tán khi có lũ; 6.748 hộ/23.951 nhân khẩu sinh sống tại khu vực trũng thấp có nguy cơ ngập lụt khi có mưa lớn; 266 hộ/1.047 nhân khẩu sinh sống tại khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét; 1.684 hộ/6.471 nhân khẩu sinh sống tại khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở đất.

- Vùng ven biển: Dân số 6 huyện, thị xã, thành phố vùng ven biển khoảng 1,131 triệu người; trong đó có 55.489 hộ/224.650 nhân khẩu đang sinh sống tại các khu vực nguy hiểm cần phải sơ tán khi có thiên tai xảy ra, cụ thể: 42.034 hộ/174.905 nhân khẩu sinh sống tại khu vực ven biển và cửa sông cần phải sơ tán khi có bão; 3.343 hộ/11.424 nhân khẩu sinh sống tại bãi sông trên các tuyến sông có đê cần phải sơ tán khi có lũ; 9.872 hộ/37.388 nhân khẩu sinh sống tại khu vực trũng thấp có nguy cơ ngập lụt khi có mưa lớn; 240 hộ/933 nhân khẩu sinh sống tại khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở đất. Vùng ven biển có khoảng 24.000 lao động hoạt động nghề cá trên biển.

3. Tăng trưởng kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 11,2% (trong đó giai đoạn 2016-2019 đạt 12,5%), gấp 1,4 lần bình quân giai đoạn 2011-2015 và trong nhóm các tỉnh, thành phố có tốc độ tăng trưởng cao nhất cả nước. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn

(GRDP) năm 2021 ước đạt 8,85%, đứng thứ 5/63 tỉnh, thành phố cả nước (sau Quảng Ninh, Hải Phòng, Gia Lai và Ninh Thuận).

- Thu ngân sách nhà nước tăng trưởng mạnh, năm sau cao hơn năm trước. Tổng thu ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2016-2020 đạt 110.043 tỷ đồng, bình quân hằng năm tăng 19%. Thu ngân sách nhà nước năm 2021 đạt 32.420 tỷ đồng, vượt 22% dự toán năm và tăng 3% so với cùng kỳ.

- Trong giai đoạn 2016-2021, thiên tai gây thiệt hại kinh tế cho tỉnh Thanh Hóa khoảng 10.100 tỷ đồng (trung bình xấp xỉ 1,4% quy mô GRDP của tỉnh). Thiên tai gây thiệt hại lớn cho các ngành như nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, thương mại và dịch vụ,... trong đó, ngành nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản,...) bị ảnh hưởng và chịu thiệt hại nặng nề nhất.

II. ĐẶC ĐIỂM KẾT CẤU HẠ TẦNG TỈNH THANH HÓA

1. Hệ thống giao thông: Thanh Hóa là tỉnh có hệ thống giao thông vận tải đa dạng, gồm: đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng không, cảng biển, bến thủy đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đảm bảo quốc phòng, an ninh.

1.1. Đường bộ: Gồm 13 tuyến quốc lộ dài 1.299,3 km (trong đó, Sở Giao thông vận tải được ủy thác quản lý 8 tuyến dài 856,3 km; Cục Quản lý đường bộ II quản lý 5 tuyến dài 443 km); 62 tuyến đường tỉnh dài 1.480,6 km; đường tuần tra biên giới dài 135,2 km; 9 tuyến đường bộ khác dài 88,1 km và hệ thống đường địa phương dài 24.183,8 km (gồm đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường chuyên dùng và đường giao thông nông thôn). Những năm vừa qua, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của tỉnh có những bước phát triển mạnh mẽ, theo hướng hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các công trình có tính kết nối, lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng. Tuy nhiên, do đặc điểm địa hình với 3/4 diện tích là vùng miền núi, nhiều công trình giao thông phải bắt buộc xẻ, đào bạt núi để xây dựng, khi thiên tai xảy ra tiềm ẩn nguy cơ cao gây sự cố sạt, trượt lở đất đá, các tai nạn nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông; một số tuyến đường bộ có nguy cơ cao xảy ra ngập lụt cục bộ khi có mưa lớn, hệ thống công trình ngầm, tràn, cầu rất lớn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, tiềm ẩn nhiều sự cố, tai nạn khi có mưa, lũ,....

1.2. Đường thủy nội địa: Gồm 23 tuyến sông, kênh, có chiều dài 761 km (trong đó, đường thủy nội địa quốc gia 8 tuyến dài 213 km, đường thủy nội địa địa phương 15 tuyến dài 548 km) và 62 bến thủy nội địa, 67 bến khách ngang sông. Hệ thống giao thông đường thủy nội địa tương đối lớn, với nhiều bến bãi và tàu, thuyền, xà lan hoạt động vận chuyển hàng hóa, hành khách tiềm ẩn nguy cơ rất cao xảy ra sự cố, tai nạn đường thủy, đặc biệt là khi xảy ra các loại thiên tai như mưa, bão, lũ làm cho lưu lượng dòng chảy tăng cao, xuất hiện nhiều điểm xoáy nước gây phức tạp về luồng lạch, sương mù gây hạn chế tầm quan sát.

1.3. Đường sắt: Có chiều dài 103,5 km đi qua 8 huyện, thị xã, thành phố (thị xã Bỉm Sơn, huyện Hà Trung, huyện Hậu Lộc, huyện Hoằng Hóa, thành phố

Thanh Hóa, huyện Đông Sơn, huyện Nông Cống, thị xã Nghi Sơn) gồm 10 ga chính và 1 ga công nghiệp. Theo thống kê trên địa bàn tỉnh hiện nay tồn tại 18 vị trí có khả năng xảy ra ngập lụt, trượt lở đất đá vào đường ray, xói lở nền đá,... khi có mưa, bão, gây mất an toàn giao thông đường sắt.

1.4. Cảng biển: Có 2 cảng biển (cảng Nghi Sơn và cảng Lễ Môn).

- Cảng Lễ Môn: Là cảng tổng hợp công suất 300.000 tấn/năm, cho phép tàu 1.000 tấn ra vào, luồng tàu dài 16 km.

- Cảng biển Nghi Sơn được xác định là cảng tổng hợp Quốc gia, đầu mối khu vực (cảng biển loại 1) đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ Khu Kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa và các vùng lân cận. Cảng biển Nghi Sơn gồm 3 khu vực chính: khu bến cảng chuyên dụng, khu bến cảng tổng hợp, khu bến cảng container. Hiện nay, ngoài khu bến cảng chuyên dụng, có 9 khu bến cảng đã được đầu tư xây dựng cho phép tiếp nhận tàu đến 50.000 DWT, có thể tiếp nhận tàu 70.000 DWT giảm tải; các bến còn lại đang được triển khai đầu tư.

- Cảng biển là nơi tập trung lượng hàng hóa, tàu vận tải với nhiều cơ sở hạ tầng quan trọng như bến cảng, nhà kho, nhà xưởng, hệ thống truyền tải điện,... có nguy cơ rất cao xảy ra các sự cố khi có thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới,....

1.5. Hàng không: Có 1 cảng hàng không Thọ Xuân.

2. Mạng lưới điện

- Về nguồn điện: Lưới điện tỉnh Thanh Hóa được cấp điện từ 4 TBA 220kV với tổng công suất 1.625 MVA; 27 TBA 110kV với tổng công suất 2.049,3MVA; 16 nhà máy điện với tổng công suất 1.285,6 MW, trong đó có 11 nhà máy thủy điện, với tổng công suất 597,4 MW, bao gồm: Thủy điện Trung Sơn, Thủy điện Cửa Đạt, Thủy điện Thành Sơn, Thủy điện Bá Thước 1, Thủy điện Bá Thước 2, Thủy điện Cẩm Thủy 1, Thủy điện Bái Thượng, Thủy điện Xuân Minh, Thủy điện Dốc Cáy, Thủy điện Trí Nang, Thủy điện Trung Xuân, 1 nhà máy nhiệt điện công suất 600 MW (Nhiệt điện Nghi Sơn 1), 1 nhà máy điện mặt trời (Yên Định) công suất 30 MW; 3 nhà máy điện sinh khối, với tổng công suất 47,7 MW của 3 nhà máy sản xuất đường mía Lam Sơn, Việt Đài và Nông Cống.

- Về lưới điện: Mạng lưới phân phối điện được xây dựng khá đồng bộ gồm 393 km đường dây 220kV; 832,2 km đường dây 110kV; hơn 6.857 km đường dây từ trung áp; 31 TBA trung gian 35/10(6)kV; 7.771 TBA phân phối với tổng công suất 2.249,2 MVA; 15.232 km đường dây hạ áp, cụ thể:

+ Lưới điện 220kV có chiều dài 393,1 km gồm 12 tuyến, trong đó có các tuyến chính như: Hủa Na - Bỉm Sơn dài 106,2 km, Đồng Văn - Ba Chè dài 71,49km; Nghi Sơn - Nông Cống dài 42,9 km, Ba Chè - Nông Cống dài 26,07km, Ba Chè - Nghi Sơn dài 68,107 km.

+ Lưới điện 110kV có chiều dài 562,3 km gồm các tuyến chính như: Triệu Sơn - Thọ Xuân dài 36 km, Ba Chè - Nông Cống dài 23 km, Bỉm Sơn - Hậu Lộc dài 21 km, Hậu Lộc - Núi Một dài 19,4 km, Hà Trung - Hoằng Hóa dài 25,4 km, Ba Chè - Tây Thành phố dài 17,2 km, Thiệu Yên - Ngọc Lặc dài 30,5 km, Ngọc

Lạc - Bá Thước dài 43,4 km, Nông Công - Nghi Sơn dài 56 km. Nhìn chung các tuyến đường dây 110kV đảm bảo khả năng mang tải, cấp điện ổn định cho các trạm 110kV trên địa bàn tỉnh.

- Lưới điện trung áp cơ bản đáp ứng nhu cầu cấp điện trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên một số tuyến đường dây trung áp 10kV đã được đầu tư từ lâu, chất lượng xuống cấp, tổn thất lớn, một số tuyến đường dây 35kV bán kính cấp điện dài, chưa đảm bảo độ ổn định cung cấp điện. Hệ thống nguồn điện và mạng lưới điện có nguy cơ cao xảy ra sự cố chập, cháy nổ, đặc biệt khi có thiên tai như mưa, bão, lũ, ngập lụt, sạt lở đất,... gây mất an toàn hệ thống, mất điện, ảnh hưởng lớn đến công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai (ảnh hưởng hệ thống thông tin liên lạc chỉ huy, chỉ đạo điều hành; việc vận hành các trạm bơm tiêu, chống úng).

3. Hệ thống đê điều, thủy lợi

3.1. Hệ thống đê điều: Thanh Hóa có 24 sông lớn nhỏ, với tổng chiều dài đê 1.008 km, trong đó:

- Đê từ cấp I đến cấp III dài 315 km (đê cấp I: 64,7 km; cấp II: 183,5 km; cấp III: 66,7 km); 179 kè với chiều dài 130,85 km; 249 cống dưới đê (trong đó có 2 âu Bão Văn và Bến Ngự).

- Đê dưới cấp III dài 693 km; 208 kè với chiều dài 105,8 km; 869 cống dưới đê và 1 âu (âu Mỹ Quan Trang).

- Toàn bộ hệ thống đê bảo vệ trực tiếp cho 17 huyện, thị xã, thành phố với 409 xã, trong đó có 242 xã có đê đi qua. Dân số được bảo vệ khoảng 2,8 triệu người, đây đều là những vùng trọng điểm kinh tế, văn hóa, chính trị của tỉnh. Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT và các Bộ, ngành Trung ương, đã đầu tư tu bổ, nâng cấp hệ thống đê điều nhưng vẫn chưa đáp ứng so với yêu cầu thực tế, hiện còn nhiều đoạn đê, kè yếu ách cần được tu bổ, nâng cấp để đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai. Theo kết quả kiểm tra, rà soát, trước mùa mưa bão năm 2021 toàn tỉnh còn tồn tại 33 trọng điểm xung yếu về đê điều.

3.2. Hệ thống thủy lợi: Toàn tỉnh có 2.524 công trình tưới, tiêu đầu môi, cụ thể:

- Hồ đập: Có 610 hồ chứa; trong đó có 1 hồ quan trọng cấp quốc gia (hồ Cửa Đạt) và 29 hồ lớn.

- Trạm bơm: Có 891 trạm bơm; trong đó, trạm bơm tưới 792 trạm, trạm bơm tiêu 71 trạm, trạm bơm tưới tiêu kết hợp 28 trạm.

- Đập dâng: Có 1.023 đập dâng.

- Kênh mương: Tổng chiều dài kênh mương hiện có trên địa bàn tỉnh là 15.931 km, đã kiên cố hóa được 8.364 km (chiếm 53%); trong đó, 3 Công ty Khai thác công trình Thủy lợi (Sông Chu, Nam sông Mã, Bắc sông Mã) quản lý 3.174km, các huyện, thị xã, thành phố quản lý 12.757 km.

Hiện nay, hệ thống thủy lợi đã giải quyết cơ bản vấn đề cấp nước tưới phục vụ sản xuất, nuôi trồng thủy sản cho các địa phương trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, do việc cải tạo, nâng cấp công trình thủy lợi lớn chưa được đồng bộ từ đầu mối đến mặt ruộng, chưa phát huy tối đa hiệu quả đầu tư và các công trình thủy lợi nhỏ (hồ chứa, trạm bơm, đập dâng) hầu hết được đầu tư xây dựng từ những năm 80, 90 của thế kỷ trước nên đến nay đã xuống cấp, không đảm bảo an toàn. Theo kết quả kiểm tra, rà soát trước mùa mưa bão năm 2021 toàn tỉnh còn 93 hồ chứa bị hư hỏng, mất an toàn.

4. Hạ tầng ngành thủy sản

- Toàn tỉnh có 8 cảng cá, trong đó có 3 cảng đã được UBND tỉnh công bố mở cảng cá loại II, do Sở Nông nghiệp và PTNT quản lý (Cảng cá Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc; Cảng cá Lạch Hới, thành phố Sầm Sơn; Cụm cảng cá Lạch Bạng, thị xã Nghi Sơn: Cảng cá Lạch Bạng, phường Hải Thanh và Cảng cá Lạch Bạng, phường Hải Bình); 5 cảng cá do UBND cấp huyện quản lý (Cảng cá Hòn Mê, phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn; Cảng cá Hoàng Phụ, xã Hoàng Phụ, huyện Hoàng Hóa; Cảng cá Hoàng Trường, xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa; Cảng cá Quảng Nham, xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương; Cảng cá Hải Châu, phường Hải Châu, thị xã Nghi Sơn).

- Toàn tỉnh có 4 khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá, gồm: Khu neo đậu tránh trú bão Lạch Hới với quy mô sức chứa 700 tàu, công suất tối đa đến 600CV (cấp vùng); khu neo đậu tránh trú bão Lạch Bạng với quy mô sức chứa 800 tàu, công suất tối đa đến 400 CV (cấp tỉnh); khu neo đậu tránh trú bão Lạch Trường với quy mô sức chứa 264 tàu, công suất tối đa đến 400 CV (cấp tỉnh). Hiện nay, đang tiếp tục triển khai xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá cửa sông Lý, huyện Quảng Xương.

- Hiện nay, các khu neo đậu tránh trú bão có nhiều hạng mục xuống cấp như: hạ tầng kỹ thuật phụ trợ, luồng lạch vào khu neo đậu bị bồi lắng, khi thủy triều xuống thấp tàu thuyền không thể vào neo đậu,... nên chưa đáp ứng yêu cầu neo đậu, tránh trú an toàn khi có bão và áp thấp nhiệt đới xảy ra.

5. Cơ sở hạ tầng dự báo, cảnh báo thiên tai

Trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 8 trạm đo khí tượng, 18 trạm thủy văn, 130 trạm đo mưa tự động, 27 trạm đo mưa chuyên dùng. Ngoài ra, đã lắp đặt hệ thống quan trắc cảnh báo sớm lũ ống, lũ quét và sạt lở đất, bao gồm 15 trạm đo mưa tự động thu thập các số liệu tại 15 xã thuộc 3 huyện Mường Lát, Quan Sơn, Quan Hóa để truyền về trung tâm xử lý, tính toán các khả năng gây lũ ống, lũ quét và sạt lở đất, 3 trạm thông tin báo bão và bắn pháo hiệu phục vụ công tác cảnh báo sớm, tham mưu cho việc chỉ đạo điều hành ứng phó với thiên tai. Cơ sở hạ tầng dự báo, cảnh báo thiên tai thời gian gần đây đã được đầu tư các trang thiết bị phục vụ công tác dự báo, cảnh báo sớm, tuy nhiên số lượng các trạm khí tượng, thủy văn, các trang thiết bị phục vụ dự báo, cảnh báo vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu.

PHẦN III

NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH

I. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành của tỉnh

Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành đầy đủ các văn bản về công tác phòng, chống thiên tai để chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện, cụ thể: Kế hoạch hành động số 200-KH/TU ngày 29/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Quyết định số 1482/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai năm 2020 tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 987/QĐ-TTg ngày 09/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch hành động số 200-KH/TU ngày 29/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị Quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai; Chỉ thị số 25/CT-UBND ngày 24/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 01/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai một số biện pháp cấp bách để chủ động ứng phó với thiên tai....

2. Hệ thống chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp

- Ban Chỉ huy: Năm 2021 đã thành lập Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự (PCTT, TKCN và PTDS) các cấp từ tỉnh đến cơ sở theo đúng quy định tại Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 và Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02/01/2019 của Chính phủ; đồng thời xây dựng, ban hành quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể cho thành viên Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS các cấp.

- Văn phòng thường trực:

+ Cấp tỉnh: Văn phòng thường trực Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Văn phòng thường trực Phòng thủ dân sự, ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, sử dụng tổ chức bộ máy, biên chế của Sở Nông nghiệp và PTNT, Chi cục Thủy lợi, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh để thực hiện nhiệm vụ. Văn phòng thường trực cấp tỉnh đã được đầu tư một số trang thiết bị, công cụ, cơ sở dữ liệu cơ bản đáp ứng được yêu cầu.

+ Cấp huyện: Văn phòng thường trực Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Văn phòng thường trực Phòng thủ dân sự, ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, sử dụng bộ máy của phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc phòng Kinh tế, Ban Chỉ huy Quân sự huyện, Công an huyện để thực hiện nhiệm vụ.

+ Cấp xã: Thành lập bộ phận thường trực của Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS cấp xã, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, sử dụng cán bộ Địa chính-Nông nghiệp, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự và một số cán bộ chuyên môn của UBND xã để thực hiện nhiệm vụ.

3. Công tác dự báo, cảnh báo sớm: Cơ sở hạ tầng dự báo, cảnh báo thiên tai thời gian gần đây đã được đầu tư các trang thiết bị phục vụ công tác dự báo, cảnh báo sớm, tuy nhiên số lượng các trạm khí tượng, thủy văn, các trang thiết bị phục vụ dự báo, cảnh báo vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu.

4. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ phòng, chống thiên tai

Các cấp, các ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao đã chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; một số phương tiện, vật tư, trang thiết bị chính hiện có như sau:

- Lực lượng: Các ngành, các địa phương đã rà soát, bổ sung, hoàn thiện phương án huy động lực lượng; ngoài ra, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã ký kết hiệp đồng với các đơn vị lực lượng vũ trang của Quân khu 4 đóng quân trên địa bàn tỉnh sẵn sàng tham gia công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó sự cố và tìm kiếm cứu nạn. Tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (559 đơn vị) đã thành lập, củng cố, kiện toàn Đội Xung kích phòng, chống thiên tai với 56.618 người tham gia.

- Vật tư: Ngoài vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai của nhà nước, các huyện, thị xã, thành phố đã tích cực chuẩn bị vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai theo chỉ tiêu tỉnh giao, đến nay toàn tỉnh đã chuẩn bị được: đất 98.232 m³; đá hộc 43.815 m³; đá dăm 11.407 m³; cát 7.605 m³; cọc tre 180.853 cọc; rọ tre, rọ thép 31.252 cái; bao tải 1.045.422 cái.

- Phương tiện, trang thiết bị: 196 chiếc xe cứu hộ, cứu thương, chữa cháy; 775 chiếc tàu, thuyền, ca nô, xuồng, mô tô nước cứu hộ, cứu nạn; 3.307 chiếc ô tô chở người; 1.943 chiếc ô tô tải; 961 chiếc xe máy (ủi, xúc); 75 thuyền đơn của bộ vượt sông nhẹ; 469 nhà bạt cứu sinh; 23.835 phao áo cứu sinh; 18.395 phao tròn cứu sinh; 382 phao bè; 16.841 bộ áo mưa chuyên dùng để sẵn sàng ứng cứu và xử lý khi có các tình huống xảy ra. Hiện nay, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đã báo cáo, đề xuất Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng cấp cho Thanh Hóa 2 tàu tuần tra kết hợp cứu hộ, cứu nạn (1 tàu công suất 7.200 CV và 1 tàu công suất 3.900 CV).

- Y tế, hậu cần: Gạo tẻ 1.765 tấn; mỳ tôm, lương khô 672.837 thùng; nước uống đóng chai 713.967 thùng; muối iốt 11.849 tấn; dầu Diesel 409.417 lít; xăng 177.041 lít; dầu hỏa 74.612 lít; 75 tổ vận chuyển cấp cứu; 37 đội phẫu thuật; 65 đội vệ sinh phòng dịch; 46 cơ sở y dụng cụ; 158 cơ sở thuốc và 670 giường bệnh; 5.629 tấn phèn chua; 485.527 viên, 16 tấn cloramin B,....

5. Công tác ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh đã xác định rõ trách nhiệm của lực lượng vũ trang trong phòng, chống thiên

tai, ứng phó với các sự cố, thảm họa do thiên tai gây ra là nhiệm vụ chính trị. Quán triệt và chấp hành nghiêm các chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên, hàng năm, các cơ quan, đơn vị đã chủ động triển khai đồng bộ từ khâu lập kế hoạch, dự kiến phương án, đến việc chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, sẵn sàng cơ động làm nhiệm vụ khi có lệnh. Khi xảy ra thiên tai đã nắm chắc tình hình, triển khai lực lượng, phương tiện, phối hợp với lực lượng của các đơn vị khác và các địa phương tổ chức cứu hộ, cứu nạn, giúp nhân dân phòng, tránh thiên tai và tích cực tham gia khắc phục hậu quả, ổn định đời sống.

Từ năm 2016 đến nay, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã điều động 24.921 cán bộ, chiến sĩ, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đã điều động 6.410 cán bộ, chiến sĩ, Công an tỉnh đã điều động 1.000 cán bộ chiến sĩ, ngoài ra các đơn vị trên còn huy động 278 lượt phương tiện các loại để phục vụ công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Kết quả đã hỗ trợ cùng chính quyền địa phương di dời khẩn cấp 301 hộ dân, sơ tán 5.652 hộ dân, tham gia cứu nạn thành công 8 vụ/32 ngư dân bị nạn trên biển.

6. Thông tin, truyền thông về phòng, chống thiên tai

UBND các cấp, Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS các cấp thông qua nhiều hình thức để phổ biến nội dung các văn bản chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai đến cộng đồng, cụ thể: văn bản điện tử, fax, email, SMS, hệ thống truyền hình, phát thanh, truyền đạt trực tiếp và các hình thức khác; đối với các phương tiện hoạt động trên biển thông qua Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Đài Thông tin Duyên hải, hệ thống thông tin của Bộ đội Biên phòng tỉnh và các hệ thống thông tin khác của hộ gia đình, cá nhân. Ngoài ra, Sở Thông tin và Truyền thông đã mua sắm và trang bị điện thoại vệ tinh cho các đồng chí Lãnh đạo tỉnh, Lãnh đạo các huyện, thị xã, thành phố và các thành viên Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh để phục vụ công tác chỉ huy, điều hành ứng phó thiên tai khi không sử dụng được các hình thức thông tin liên lạc thông thường.

Văn phòng thường trực Chỉ huy phòng, chống thiên tai tỉnh đã phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa mở chuyên mục “Chủ động phòng, chống thiên tai” trên sóng của Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa để tuyên truyền, phổ biến rộng rãi pháp luật về phòng, chống thiên tai, đề điều, thủy lợi; phổ biến kiến thức, kinh nghiệm về ứng phó thiên tai đến các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư để các cấp, các ngành và mọi người dân chủ động ứng phó khi thiên tai xảy ra; đồng thời, biểu dương những gương người tốt, việc tốt trong việc phòng, chống thiên tai. Xây dựng Website đăng tải và phổ biến kiến thức về thiên tai, các văn bản chỉ đạo điều hành về ứng phó với thiên tai, các chuyên mục về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; tăng cường đăng tải các thông tin, kiến thức về phòng, chống thiên tai, ứng phó sự cố và tìm kiếm cứu nạn trên các ứng dụng mạng xã hội như Facebook, Zalo. Hiện nay, hầu hết các địa phương đều đã xây dựng trang Facebook “Phòng, chống thiên tai”, kết nối với trang của tỉnh và Trung ương,

thường xuyên theo dõi, cập nhật, chia sẻ các thông tin, bài viết từ trang của tỉnh và Trung ương.

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực, kỹ năng ứng phó đối với các loại hình thiên tai, tình huống sự cố thông qua công tác tuyên huấn, các lớp tập huấn cho cán bộ, hội viên, tình nguyện viên và cộng đồng dân cư; tuyên truyền gián tiếp thông qua các tờ rơi, các bài viết trên báo, đài, các phương tiện truyền thông. Hội Chữ thập đỏ tỉnh tổ chức lồng ghép tuyên truyền trực tiếp về Luật Phòng, chống thiên tai thông qua các lớp tập huấn cho cán bộ, hội viên, tình nguyện viên và cộng đồng dân cư; tuyên truyền gián tiếp thông qua các tờ rơi, các bài viết trên báo, đài; trong đó, tập trung chủ yếu tuyên truyền về vai trò và trách nhiệm của cộng đồng trong phòng, chống thiên tai.

7. Năng lực và nhận thức của cộng đồng về phòng, chống thiên tai

Hàng năm, Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị liên quan đều tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai đầy đủ mọi mặt của công tác phòng, chống thiên tai đến các cấp, các ngành, đồng thời thường xuyên rà soát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện tại các đơn vị. Với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, sự quyết tâm, vào cuộc mạnh mẽ của các cấp, các ngành, sự đồng lòng, hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân, năng lực phòng, chống thiên tai của các sở, ban, ngành, địa phương đã có những bước phát triển rõ rệt.

Thông qua các hoạt động đào tạo, tập huấn, diễn tập, truyền thông hàng năm, nhất là hoạt động của Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; cán bộ, người dân có các hoạt động tích cực trong công tác phòng, chống thiên tai; các kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai ở cơ sở được chú trọng rà soát, cập nhật; công tác chuẩn bị phòng, chống thiên tai được tổ chức thực hiện theo phương châm “4 tại chỗ”. Người dân tại khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai đã chủ động dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm; mua sắm trang thiết bị (áo phao, thuyền,...) ứng phó thiên tai; sửa chữa, xây dựng nhà mới đảm bảo an toàn trước thiên tai.

Tuy nhiên, Thanh Hóa là tỉnh có địa bàn rộng, giáp biển, có đường biên giới với nước bạn Lào; có 3/4 diện tích là khu vực miền núi với nhiều địa bàn vùng sâu, vùng xa; lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai của tỉnh chủ yếu làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, chưa được đào tạo, tập huấn bài bản, chuyên sâu; nguồn kinh phí cho các hoạt động tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, năng lực, kỹ năng của cộng đồng còn hạn hẹp,...; vì vậy nhận thức, năng lực, kỹ năng trong công tác phòng, chống thiên tai của một bộ phận cộng đồng còn hạn chế.

8. Cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai

- Đối với cơ sở hạ tầng nói chung: Do đặc điểm vị trí địa lý, với 108 km bờ biển, 3/4 diện tích là vùng miền núi, hàng năm chịu tác động của rất nhiều loại

hình thiên tai, đây là yếu tố bất lợi đối với hệ thống cơ sở hạ tầng, trong khi nguồn lực còn hạn hẹp nên tại một số địa bàn trọng điểm về công tác phòng, chống thiên tai (vùng miền núi và ven biển), cơ sở hạ tầng của một số ngành, địa phương vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phòng, chống thiên tai.

- Đối với cơ sở hạ tầng các công trình phòng, chống thiên tai: Được sự quan tâm của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT và các Bộ, ngành Trung ương, cùng với nguồn lực của tỉnh, trong những năm vừa qua tỉnh đã tập trung đầu tư tu bổ, sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới cho cơ sở hạ tầng các công trình phòng, chống thiên tai. Tuy nhiên, Thanh Hóa là địa phương có hệ thống công trình phòng, chống thiên tai tương đối lớn (1.008 km đê, 610 hồ chứa,...) đã xây dựng từ lâu nên hiện nay nhiều công trình đã xuống cấp, hư hỏng nghiêm trọng. Năm 2021, đã xác định được 33 trọng điểm xung yếu về đê điều, 93 hồ chứa mất an toàn.

9. Thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội

UBND tỉnh Thanh Hóa đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong đó, đã tích hợp phương án Quy hoạch phát triển Thủy lợi và phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 vào Quy hoạch chung của tỉnh. Hiện nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang trình thẩm định, phê duyệt Quy hoạch theo quy định.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu cho UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020, 2021-2025 và hằng năm của tỉnh; trong đó, đã xác định việc thực hiện đồng bộ các biện pháp đề ứng phó với biến đổi khí hậu và lồng ghép các nội dung phòng, chống thiên tai; đồng thời hướng dẫn các địa phương và các ngành thực hiện việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội theo quy định tại Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06/6/2016 (hiện nay là Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT ngày 22/12/2021) của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

10. Công tác phục hồi, tái thiết sau thiên tai

Ngay sau khi kết thúc các đợt thiên tai, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành kiểm tra, rà soát, thống kê, đánh giá thiệt hại theo đúng hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT - Bộ Kế hoạch và Đầu tư; xác định ưu tiên và xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực tại địa phương để khôi phục, tái thiết nhằm sớm ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân; trường hợp nhu cầu vượt quá khả năng của địa phương, Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin hỗ trợ.

Các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các cấp triển khai ngay công tác khắc phục hậu quả thiên tai, đặc biệt là sự tham gia của các lực lượng vũ trang, Ủy

ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, Đoàn Thanh niên, Hội Chữ thập đỏ tỉnh; công tác khắc phục sự cố về đê điều, giao thông, công trình phòng, chống thiên tai, cơ sở hạ tầng, cấp phát hàng cứu trợ được triển khai nhanh chóng, kịp thời, sớm ổn định cuộc sống người dân.

Trong những năm vừa qua, tỉnh Thanh Hóa đã chịu ảnh hưởng của nhiều đợt thiên tai lớn, điển hình như năm 2019, do ảnh hưởng của bão số 3, từ ngày 30/7-04/8/2019, tại các huyện Quan Sơn, Mường Lát đã xảy ra lũ quét, sạt lở đất nghiêm trọng làm 16 người chết và mất tích (trong đó đáng chú ý là trận lũ quét kinh hoàng xảy ra tại bản Sa Ná, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn làm 8 người chết, 2 người mất tích, 4 người bị thương, 37 nhà bị sập đổ hoàn toàn); đợt mưa lớn, từ ngày 28-31/8/2018, gây lũ quét, sạt lở đất nghiêm trọng nhất trong hàng chục năm qua trên địa bàn nhiều huyện như Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Bá Thước, Cẩm Thủy làm 10 người chết, 2 người mất tích, 233 nhà bị thiệt hại hoàn toàn, 239 hộ có nhà phải di dời khẩn cấp. Để nhanh chóng phục hồi, tái thiết, đảm bảo cuộc sống cho người dân, tỉnh đã khẩn trương triển khai đầu tư xây dựng 13 khu tái định cư (Mường Lát 6 khu, Quan Hóa 6 khu, Quan Sơn 1 khu) để ổn định cuộc sống cho 555 hộ (Mường Lát 323 hộ, Quan Hóa 181 hộ, Quan Sơn 51 hộ); đồng thời bố trí kinh phí của tỉnh và xin hỗ trợ của Trung ương để khắc phục sự cố về đê điều, giao thông, công trình phòng, chống thiên tai, cơ sở hạ tầng,... Tuy nhiên, do nguồn lực của địa phương và kinh phí hỗ trợ của Trung ương còn hạn hẹp nên còn nhiều công trình phòng, chống thiên tai, nhiều khu dân cư cần di dời,... nhưng chưa có kinh phí để thực hiện.

11. Nguồn lực tài chính thực hiện công tác phòng, chống thiên tai

Được sự quan tâm của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT và các Bộ, ngành Trung ương, cùng với nguồn lực của tỉnh, trong những năm vừa qua đã ưu tiên bố trí kinh phí từ nhiều nguồn (ngân sách nhà nước, vốn ODA, vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, Quỹ Phòng, chống thiên tai,...) cho hoạt động phòng, chống thiên tai. Tuy nhiên, Thanh Hóa là địa phương có hệ thống công trình phòng, chống thiên tai tương đối lớn, đã xây dựng từ lâu, nhiều công trình xuống cấp, hư hỏng nghiêm trọng và còn nhiều công trình trọng điểm, xung yếu; mặt khác, những năm gần đây Thanh Hóa liên tục chịu ảnh hưởng của các trận thiên tai lớn, thiệt hại nặng nề, trong khi nguồn lực của tỉnh và hỗ trợ của Trung ương còn hạn hẹp nên chưa đáp ứng nhu cầu kinh phí để khắc phục hậu quả, ổn định đời sống, khôi phục sản xuất cho nhân dân. Nguồn lực tài chính thực hiện công tác phòng, chống thiên tai một số năm gần đây như sau:

- Năm 2017: Tổng kinh phí cho công tác phòng, chống thiên tai là 806.357 triệu đồng; trong đó kinh phí Trung ương là 568.000 triệu đồng, kinh phí địa phương là 238.357 triệu đồng.

- Năm 2018: Tổng kinh phí cho công tác phòng, chống thiên tai là 1.005.815 triệu đồng; trong đó kinh phí Trung ương là 723.171 triệu đồng, kinh phí địa phương là 282.644 triệu đồng.

- Năm 2019: Tổng kinh phí cho công tác phòng, chống thiên tai là 482.520 triệu đồng; trong đó kinh phí Trung ương là 113.213 triệu đồng, kinh phí địa

phương là 369.307 triệu đồng.

- Năm 2020: Tổng kinh phí cho công tác phòng, chống thiên tai là 523.603 triệu đồng; trong đó kinh phí Trung ương là 150.000 triệu đồng, kinh phí địa phương là 373.603 triệu đồng.

- Năm 2021: Tổng kinh phí cho công tác phòng, chống thiên tai là 307.000 triệu đồng; trong đó kinh phí Trung ương là 87.000 triệu đồng, kinh phí địa phương là 220.000 triệu đồng.

II. CÁC LOẠI HÌNH VÀ CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI THƯỜNG GẶP

1. Bão, áp thấp nhiệt đới: Mùa mưa bão ở Thanh Hóa thường kéo dài từ tháng 5 đến hết tháng 10. Theo thống kê trong 50 năm trở lại đây, Thanh Hóa đã phải chịu ảnh hưởng trực tiếp của 55 cơn bão và áp thấp nhiệt đới, trong đó có 26 năm bão đổ bộ trực tiếp, tính bình quân mỗi năm có 1 cơn bão đổ bộ hoặc ảnh hưởng với sức gió mạnh từ cấp 8 đến cấp 11, cá biệt có những cơn bão mạnh cấp 12, trên cấp 12 như cơn bão số 8 ngày 14/9/1973, cơn bão số 6 ngày 20/9/1975, cơn bão số 6 ngày 16/9/1980, cơn bão số 6 ngày 23/7/1989 và gần đây nhất là cơn bão số 7 đổ bộ trực tiếp vào Thanh Hóa ngày 27/9/2005 với sức gió mạnh cấp 12, giật trên cấp 12, bão kết hợp với thủy triều làm nước biển dâng từ 4,5-5,5 m.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do bão, áp thấp nhiệt đới: Cấp 3.

2. Lốc, sét, mưa đá: Đây là các loại hình thiên tai thường xuyên xuất hiện ở Thanh Hóa, với tính chất bất ngờ nên thường gây ra thiệt hại đáng kể cho nhân dân trong tỉnh; hầu như năm nào ở các huyện miền núi và trung du của tỉnh cũng xuất hiện gió lốc và mưa đá.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do lốc, sét, mưa đá: Cấp 1.

3. Lũ, ngập lụt: Do vị trí địa lý, địa hình nên diễn biến của lũ trên các sông cũng có những đặc điểm riêng, trên sông Mã thường xuất hiện lũ sớm hơn sông Chu (lũ sông Mã thường xuất hiện từ tháng 6 đến tháng 10, lũ sông Chu từ tháng 7 đến tháng 11). Thống kê trong 42 năm trở lại đây, tần suất lũ trên báo động III ở sông Chu có 12 năm; trên sông Mã có 10 năm; trên sông Bưởi có 20 năm. Thời gian xuất hiện một con lũ khoảng từ 7 đến 10 ngày, lũ lên nhanh và xuống cũng nhanh. Ngoài quy luật phổ biến nói trên, có năm lũ diễn biến bất thường, sớm hoặc muộn hoặc đồng thời xảy ra lũ lớn trên tất cả các hệ thống sông, như trận lũ tháng 10/2007, tháng 10/2017.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do lũ, ngập lụt: Cấp 2.

4. Mưa lớn: Tổng lượng mưa bình quân hàng năm từ 1.800-2.000 mm, có năm mưa lớn đến 2.200 mm; mưa phân bố không đều, thường tập trung chủ yếu vào các tháng 8, 9, 10, lớn nhất vào tháng 8, tháng 9 chiếm 60-65% lượng mưa năm, có năm chiếm 73% (năm 1963, toàn tỉnh mưa 3.000 mm, năm 1976 chỉ mưa 1.045 mm, năm 1964 ở Tĩnh Gia (nay là Nghi Sơn) mưa 3.442 mm, năm 1977 chỉ mưa 977 mm). Biến động lượng mưa khá lớn, năm 1994 tại Cửa Đạt mưa 3.367 mm, gấp 1,8 lần lượng mưa trung bình nhiều năm; tại Bái Thượng

mưa 3.133 mm, gấp 1,62 lần lượng mưa trung bình nhiều năm. Mưa là nguyên nhân chính gây lũ lụt trên các sông và ngập úng các diện tích nội đồng.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do mưa lớn: Cấp 2, 3.

5. Nắng nóng: Tháng 4 và 5/2015 được ghi nhận là một trong những tháng nóng nhất trong vòng 20 năm trở lại đây đối với Thanh Hóa; nhiều ngày nhiệt độ tăng trên 41°C; nguyên nhân là do ảnh hưởng của El Nino pha nóng, nên nhiệt trung bình các tháng mùa hè năm 2015 đều cao hơn trung bình nhiều năm, trong đó từ tháng 3 đến hết tháng 6, nên nhiệt cao hơn trung bình nhiều năm khoảng 2°C. Năm 2020 xảy ra đợt nắng nóng kéo dài liên tục từ ngày 16/6-31/7/2020 (46 ngày), nhiệt độ không khí cao nhất phổ biến từ 38-40°C, đây là đợt nắng nóng kéo dài nhiều ngày nhất từ khi có số liệu quan trắc đến nay.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do nắng nóng: Cấp 1, 2.

6. Hạn hán, xâm nhập mặn: Do mưa có biến động lớn, lượng mưa không nhiều, mùa mưa đến muộn và kết thúc sớm nên thường xảy ra khô hạn, thiếu nước trong vụ Đông Xuân cũng như vụ Hè Thu. Thiệt hại do hạn hán gây ra thường đứng sau thiệt hại do bão, lũ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và áp lực cung cấp điện.

Trong những năm gần đây, xâm nhập mặn vùng cửa sông ven biển thường xuyên xảy ra, một số tuyến sông có độ mặn xâm nhập đạt mức cao nhất lịch sử:

- Trên sông Mã: Độ mặn 1‰ có khả năng xâm nhập vào cửa sông tới 24km, độ mặn lớn nhất đo tại Trạm thủy văn Giàng phổ biến nhỏ hơn 1‰, độ mặn lớn nhất đo được là 6,1‰ (năm 2010). Từ năm 2017 đến nay, độ mặn đều nhỏ hơn 1‰.

- Trên sông Lèn: Độ mặn 1‰ có khả năng xâm nhập vào cửa sông lên tới 18 km, độ mặn lớn nhất đo tại Yên Ổn (cách cửa biển 13 km) phổ biến ở mức 0,2-4‰, độ mặn lớn nhất đo được là 17,8‰ (năm 2010), giá trị cao nhất từ trước đến nay.

- Trên sông Lạch Trường: Độ mặn 1‰ đã xâm nhập trên toàn tuyến, độ mặn lớn nhất đo tại trạm cầu Tào là 9,4‰ (năm 2010).

- Trên hệ thống sông Yên: Trên dòng chính sông Yên tại Bến Mắm (khoảng cách tới cửa biển 25 km), độ mặn lớn nhất từ năm 1999 đến 2009 là 2,5‰, năm 2010 độ mặn lớn nhất lên tới 3,3‰, cao nhất từ trước đến nay; theo chiều dọc sông, độ mặn đã xâm nhập vào gần Trạm thủy văn Chuối cách cửa biển 40 km; năm 2016 độ mặn đo được là 2,3‰.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do hạn hán: Cấp 1, 2.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do xâm nhập mặn: Cấp 1.

7. Rét hại, sương muối: Rét hại thường hay xảy ra ở khu vực Thanh Hóa vào các tháng chính đông (tháng 12 năm trước và tháng 1, tháng 2 năm sau) có thể gây ra sương muối và ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp và vật nuôi.

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do rét hại, sương muối: Cấp 1.

8. Lũ quét và sạt lở đất: Đặc điểm miền núi Thanh Hóa có địa hình dốc, đồi núi cao xen kẽ giữa sông, suối, hồ đập, là khu vực hội tụ của nhiều trận mưa lớn hàng năm; đặc biệt có 1 số vùng tiểu khí hậu gây mưa đột xuất rất lớn như ở các vùng Bái Thượng, Cửa Đạt, Bát Mọt, Lang Chánh,... đây là những vùng thường xuyên xảy ra những trận mưa lớn trong một thời đoạn ngắn nên dễ gây ra lũ quét và sạt lở đất. Trong những năm gần đây, lũ quét, sạt lở đất xảy ra ngày càng nhiều, gây tổn thất rất nghiêm trọng về người, tài sản, công trình hạ tầng và phá hoại môi trường sinh thái, nhất là đợt mưa lớn từ ngày 28-31/8/2018 gây lũ quét, sạt lở đất nghiêm trọng nhất trong hàng chục năm qua trên địa bàn các huyện Mường Lát, Quan Hóa làm 10 người chết, 2 người mất tích, 287 nhà bị thiệt hại hoàn toàn, 807 nhà phải di dời khẩn cấp...; đợt mưa, lũ do ảnh hưởng của bão số 3 năm 2019 gây ra lũ quét, sạt lở đất trên địa bàn các huyện Quan Sơn, Quan Hóa, Mường Lát; riêng huyện Quan Sơn đã xảy ra lũ quét, sạt lở đất nghiêm trọng nhất trong nhiều năm trở lại đây làm 11 người chết, 2 người mất tích và 5 người bị thương, 113 nhà bị thiệt hại, 10 điểm trường và 2 nhà văn hóa bị hư hỏng, sập đổ; 134 ha lúa, 1.398 ha cây trồng hàng năm bị thiệt hại....

Cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp do lũ quét, sạt lở đất: Cấp 1, 2.

III. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Công tác phòng ngừa

1.1. Giải pháp phi công trình

a) Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách của tỉnh đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tế, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới để nâng cao năng lực chỉ đạo, chỉ huy, điều hành công tác phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Nâng cao nhận thức về thiên tai, rủi ro thiên tai, tăng cường quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, trong đó tập trung:

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách về phòng, chống thiên tai và liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai; hướng dẫn, phổ biến kỹ năng phòng, chống thiên tai, nhất là kỹ năng ứng phó khi xảy ra tình huống thiên tai lớn, phức tạp cho các cấp chính quyền cơ sở, người dân và doanh nghiệp để chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống, giảm thiệt hại.

- Đẩy mạnh thông tin truyền thông, chia sẻ thông tin, dữ liệu, tổ chức các hoạt động nâng cao hiệu quả truyền thông trong phòng, chống thiên tai; kết hợp giữa phương thức truyền thống với ứng dụng công nghệ, phù hợp với từng đối tượng để truyền tải thông tin chính xác, kịp thời về thiên tai, rủi ro thiên tai tới người dân, chú trọng các đối tượng dễ bị tổn thương.

- Tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cộng đồng trong quá trình xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó thiên tai, cơ chế, chính sách, đề xuất và thực hiện các chương trình, dự án, hoạt động liên

quan đến phòng, chống thiên tai, chú trọng sự tham gia của cộng đồng, đặc biệt là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương.

- Tập huấn, hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm về giảm nhẹ rủi ro thiên tai đối với cộng đồng và người dân; lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và năng lực tại cộng đồng, các sự kiện văn hóa cấp xã, thôn.

c) Kiện toàn, củng cố, nâng cao năng lực bộ máy điều hành phòng, chống thiên tai các cấp:

- Kiện toàn, nâng tầm hoạt động của Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS các cấp, tăng cường trách nhiệm cá nhân của thành viên Ban Chỉ huy trong thực hiện nhiệm vụ được phân công.

- Kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai các cấp theo hướng đồng bộ, thống nhất, chuyên nghiệp, trên cơ sở sắp xếp lại các tổ chức hiện có, đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phòng, chống thiên tai trong tình hình mới.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống thiên tai các cấp theo hướng chuyên nghiệp, thường xuyên được đào tạo, tập huấn để nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ. Hàng năm rà soát, củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai ở cấp xã.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai giai đoạn 2020-2025, tỉnh Thanh Hóa được ban hành tại Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 17/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh, với mục tiêu: trang bị kiến thức, kỹ năng về phòng, chống thiên tai, nhất là các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai các cấp, đảm bảo đến năm 2025, có 100% lực lượng này được đào tạo, tập huấn.

d) Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai:

- Nâng cấp trang thiết bị, công nghệ theo dõi, phân tích, dự báo, cảnh báo thiên tai, ứng dụng công nghệ dự báo tiên tiến, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dự báo; nâng cao năng lực cảnh báo sớm các hình thể thời tiết cực đoan.

- Cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng, dự báo dài hạn về thiên tai, nguồn nước, nhất là đối với các sông, suối gần biên giới.

- Bổ sung các trạm quan trắc đo mực nước trên sông Lạch Trường, sông Hoàng, sông Nhôm, sông Hoạt và bổ sung thêm các yếu tố quan trắc: đo lưu lượng, đo mặn, đo phù sa tại các trạm; bổ sung các trạm đo mưa ở lưu vực sông Hoạt, sông Nhôm, sông Hoàng, sông Bạng và các huyện miền núi.

đ) Xây dựng các phương án ứng phó thiên tai, sơ tán dân:

- Khu vực ven biển rà soát, bổ sung, hoàn thiện phương án sơ tán dân sinh sống khu vực sát mép nước, ven bờ biển, cửa sông khi có bão; phương án đảm bảo an toàn cho người, phương tiện nghề cá hoạt động trên biển; phương án

quản lý, kiểm tra, kiểm soát tàu thuyền ra khơi; xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Tổ, đội tàu thuyền đoàn kết sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ kinh nghiệm với nhau trong quá trình khai thác hải sản, hỗ trợ, khắc phục sự cố tàu thuyền và khi có thiên tai, tai nạn trên biển.

- Khu vực miền núi tổ chức kiểm tra, rà soát, thống kê cụ thể số hộ, số khẩu trong khu vực có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất; đồng thời bổ sung, hoàn thiện phương án sơ tán dân chi tiết, cụ thể đến từng thôn, bản, hộ gia đình.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình đê điều, hồ đập; xác định các trọng điểm xung yếu và xây dựng phương án phòng, chống lụt bão bảo vệ trọng điểm; xây dựng, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó tình huống khẩn cấp theo đúng quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

e) Bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy rừng:

- Bảo vệ và phát triển ổn định 641.893,66 ha rừng, quy hoạch rừng phòng hộ, nhằm phát huy tốt chức năng phòng hộ đầu nguồn, phòng hộ các hồ đập thủy điện, thủy lợi, phòng hộ ven biển, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Bảo tồn đa dạng sinh học của các khu rừng đặc dụng với diện tích 81.357ha, nhằm lưu giữ các nguồn gen động, thực vật quý hiếm, tổ chức nghiên cứu khoa học, du lịch sinh thái.

- Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng đạt 54%, phát triển rừng theo hướng nâng cao năng suất và chất lượng rừng bền vững.

- Rà soát, xác định các khu vực trọng điểm nguy cơ cháy rừng cao, từ đó xây dựng phương án tác chiến chữa cháy rừng theo phương châm “4 tại chỗ” sát với tình hình thực tế tại từng khu vực; tổ chức trực, tuần tra, kiểm tra rừng, quản lý chặt chẽ người ra, vào rừng những thời điểm nguy cơ cháy rừng cao; không mang lửa, chất nổ, chất dễ cháy vào rừng; quản lý chặt chẽ việc xử lý thực bì trong sản xuất nương rẫy và xử lý thực bì trồng rừng; thực hiện các biện pháp lâm sinh, làm giảm vật liệu cháy dưới tán rừng, phát dọn và đốt trước có kiểm soát vật liệu cháy; chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, hậu cần theo phương châm “4 tại chỗ”; thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các đơn vị, lực lượng.

f) Tái cơ cấu lĩnh vực trồng trọt:

- Chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với thiên tai và biến đổi khí hậu.

- Phát triển và sản xuất các loại giống cây trồng có khả năng chịu hạn, chịu mặn, chống chịu sâu bệnh, chịu được nhiệt độ bất thường, giống có thời gian sinh trưởng ngắn thích ứng với điều kiện bất lợi của thời tiết.

- Tăng cường kiến thức, nâng cao năng lực thích ứng, bảo đảm sinh kế cho người dân ở những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai.

g) Đảm bảo an toàn trước thiên tai trong chăn nuôi:

- Thực hiện các biện pháp nâng cao sức đề kháng cho vật nuôi trong điều kiện thời tiết bất thường.

- Tu sửa, che chắn chuồng trại, không để mưa tạt, gió lùa; thường xuyên vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng trại.

- Dự trữ thức ăn cho đàn gia súc, gia cầm; đưa vật nuôi thả tự nhiên về nhốt tại chuồng, không thả rông vật nuôi khi có mưa, bão, giá rét.

- Tiêm phòng các loại vaccin phòng bệnh cho vật nuôi; tăng cường công tác kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ, tiêu độc sát trùng để ngăn chặn dịch bệnh phát sinh.

h) Công tác chuẩn bị lực lượng, phương tiện, hậu cần, thông tin liên lạc, y tế:

- Về phương án huy động lực lượng: Rà soát, củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, đây là lực lượng nòng cốt để thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Ngoài lực lượng của các địa phương, xây dựng phương án huy động lực lượng của các ngành và lực lượng của Bộ Quốc phòng và Quân khu 4 đóng quân trên địa bàn tỉnh để sẵn sàng tham gia công tác PCTT và TKCN khi có lệnh điều động của tỉnh.

- Về phương án huy động phương tiện: Ngoài phương tiện của các địa phương, cần phải xây dựng phương án huy động vật tư, phương tiện ứng cứu khi cần, đường có sự cố hư hỏng để sẵn sàng tham gia công tác PCTT và TKCN khi có yêu cầu của tỉnh.

- Về phương án đảm bảo hậu cần: Đối với các vùng thường xuyên bị chia cắt khi có mưa lũ, yêu cầu cấp huyện phải chuẩn bị lương thực, thực phẩm, nước uống đảm bảo đủ cứu trợ trong thời gian 5 ngày; cấp xã đảm bảo đủ trong thời gian 3 ngày; các hộ đảm bảo đủ trong thời gian 3 ngày.

- Về phương án đảm bảo thông tin liên lạc: Xây dựng phương án đảm bảo thông tin liên lạc kịp thời, chính xác trong mọi tình huống tại các vùng miền trong tỉnh, đặc biệt là các vùng có khả năng xảy ra bão, lũ, ngập lụt.

- Về phương án đảm bảo y tế: Xây dựng kế hoạch chuẩn bị nhân lực, vật tư, thiết bị y tế sẵn sàng cho công tác sơ cấp cứu, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh trong và sau thiên tai.

i) Một số giải pháp khác:

- Lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, huyện, xã gắn với yêu cầu phòng, chống thiên tai, tránh để xảy ra chùng chéo, mâu thuẫn về quy hoạch gây tác động xấu đến môi trường và tăng nguy cơ rủi ro thiên tai.

- Rà soát quy hoạch sử dụng đất, bố trí khu dân cư, đô thị, phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ đảm bảo an toàn khi xảy ra thiên tai; đối với các hộ dân nằm

trong khu vực rủi ro cao cần có kế hoạch di dời đến nơi an toàn; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về đê điều, thủy lợi và phòng, chống thiên tai.

- Quản lý chặt chẽ nguồn nước, hạn chế thất thoát, lãng phí nước ở các hồ đập; điều tiết, phân phối và sử dụng nguồn nước hợp lý, thực hiện tưới tiết kiệm nhằm hạn chế tối đa tình trạng hạn hán có thể xảy ra, nhất là ở những khu vực thường xuyên khó khăn về nguồn nước.

1.2. Giải pháp công trình

Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; trong đó, ưu tiên tu bổ, nâng cấp hệ thống hồ chứa, đê biển, đê sông, các công trình ngăn mặn, giữ ngọt, khu neo đậu tránh trú bão, các tuyến đường cứu hộ, cứu nạn; đầu tư, cải tạo các hệ thống tiêu úng, nạo vét làm thông thoáng dòng chảy, tăng cường khả năng tiêu thoát lũ trên các lưu vực sông, lòng sông.

2. Công tác ứng phó

2.1. Về công tác sơ tán dân

- Kịp thời huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ sơ tán dân sinh sống ở các khu vực nguy hiểm, vùng ven biển, vùng có nguy cơ ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn; đảm bảo an toàn trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp.

- Tổ chức cung cấp lương thực, nhu yếu phẩm, nước sạch cho người dân, nhất là tại nơi sơ tán.

- Huy động đội ngũ y, bác sỹ tại chỗ, phương tiện, thuốc men để sơ cấp cứu, chữa bệnh cho người dân tại nơi sơ tán.

- Tổ chức các đoàn, đội tình nguyện hỗ trợ dân sinh, phòng, chống dịch bệnh.

2.2. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc khẩn cấp

- Các phương tiện thông tin, truyền thông tăng cường đưa tin về thiên tai cho chính quyền các cấp và nhân dân biết để chủ động phòng tránh, ứng phó.

- Ưu tiên xử lý sự cố thông tin và duy trì thông tin liên lạc bằng tất cả các hệ thống tại UBND các cấp, Văn phòng thường trực Chỉ huy Phòng, chống thiên tai các cấp, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành liên quan.

- Chuẩn bị đầy đủ thiết bị, vật tư, tổ chức các xe thông tin cơ động vô tuyến sóng ngắn, xe lưu động phát sóng thông tin di động, điện thoại vệ tinh,... phục vụ công tác phòng, chống thiên tai khi mạng điện thoại cố định và di động có sự cố.

2.3. Triển khai công tác đảm bảo y tế

- Bố trí các đội y tế lưu động tại các khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai để sẵn sàng chăm sóc sức khỏe nhân dân. Các đội y tế lưu động phải có y, bác sỹ, thuốc, trang thiết bị và phương tiện cần thiết để cấp cứu, điều trị bệnh nhân tại nơi sơ tán.

- Các Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế phải đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh, cấp cứu, điều trị bệnh nhân trong và sau thiên tai.

2.4. Tổ chức ứng cứu trên biển

- Thống kê tàu thuyền trên biển.

- Thông báo diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới, kêu gọi tàu thuyền chủ động vào nơi tránh trú an toàn hoặc hướng dẫn tàu thuyền di chuyển thoát ra hoặc không đi vào khu vực nguy hiểm.

- Tổ chức lực lượng, phương tiện thường trực sẵn sàng tham gia tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi có tình huống.

- Đảm bảo an ninh trật tự, hướng dẫn, sắp xếp tàu thuyền neo đậu an toàn; không để người ở lại trên tàu thuyền, lồng bè, chòi canh thủy, hải sản.

- Duy trì mạng thông tin 2 chiều giữa tàu thuyền trên biển với bờ (Đài canh của Bộ đội Biên phòng, Đài Thông tin Duyên hải, điện thoại tập thể, cá nhân, gia đình,...) để thông báo, cảnh báo, hướng dẫn tàu thuyền vào nơi tránh trú khi có bão, áp thấp nhiệt đới, thời tiết nguy hiểm và sẵn sàng tiếp nhận, xử lý kịp thời các tình huống sự cố, tai nạn, thiên tai xảy ra.

2.5. Ứng phó khi thiên tai xảy ra

Trên cơ sở các phương án phòng, chống thiên tai đã phê duyệt và diễn biến tình hình thiên tai xảy ra trên địa bàn, các cấp, các ngành chủ động triển khai phương án và lựa chọn các biện pháp phù hợp để ứng phó thiên tai một cách linh hoạt, có hiệu quả; các biện pháp cơ bản ứng phó với thiên tai như sau:

- Biện pháp cơ bản ứng phó đối với bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng, sạt lở đất do mưa, lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa, lũ hoặc dòng chảy:

+ Sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không bảo đảm an toàn; tập trung triển khai biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt là đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp.

+ Di chuyển tàu thuyền, phương tiện nuôi trồng thủy, hải sản trên biển, ven biển, trên sông ra khỏi khu vực nguy hiểm; tổ chức kiểm đếm, hướng dẫn tàu thuyền neo đậu hoặc thực hiện biện pháp khác để bảo đảm an toàn.

+ Thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, kho tàng, công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng.

+ Chủ động thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất.

+ Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng.

+ Giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm trên sông, trên biển, khu vực và

tuyến đường bị ngập sâu, khu vực có nguy cơ sạt lở đất do mưa, lũ hoặc dòng chảy và khu vực nguy hiểm khác.

+ Bảo đảm giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy, điều hành công tác phòng, chống thiên tai.

+ Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và tại địa điểm sơ tán.

+ Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai.

+ Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai.

- Biện pháp cơ bản ứng phó đối với hạn hán và xâm nhập mặn:

+ Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến hạn hán và xâm nhập mặn.

+ Vận hành hợp lý hồ chứa nước, công trình cấp nước, ưu tiên cấp nước sinh hoạt; sử dụng tiết kiệm, chống thất thoát nước.

+ Ưu tiên cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm.

+ Tổ chức quan trắc độ mặn, điều hành đóng mở cống lấy nước và ngăn mặn phù hợp với tình huống cụ thể.

- Biện pháp cơ bản ứng phó đối với sương muối, rét hại:

+ Triển khai biện pháp chống rét cho người, đặc biệt cho đối tượng dễ bị tổn thương.

+ Triển khai chống rét và bảo đảm nguồn thức ăn cho gia súc.

+ Triển khai biện pháp bảo vệ cây trồng phù hợp.

- Biện pháp cơ bản ứng phó đối với động đất, sóng thần:

+ Chủ động trú, tránh, bảo đảm an toàn khi xảy ra động đất.

+ Chủ động sơ tán người ra khỏi khu vực chịu ảnh hưởng của sóng thần.

+ Tổ chức tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương.

+ Bố trí nơi ở tạm, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống, nhu yếu phẩm khác cho người dân bị ảnh hưởng.

+ Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai.

- Đối với nắng nóng, lốc, sét, mưa đá và các loại thiên tai khác: Căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế của từng loại thiên tai, chủ động triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với tình huống cụ thể; một số biện pháp ứng phó cơ bản:

- + Chủ động trú, tránh, bảo đảm an toàn.
- + Tổ chức tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương.
- + Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai.
- Đối với cháy rừng do tự nhiên:
 - + Khẩn trương huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị để dập tắt cháy ngay từ khi mới xảy ra; chú ý tập trung lực lượng vào vị trí sau hướng gió lây lan.
 - + Tùy vào mức độ lây lan của đám cháy, quyết định thực hiện biện pháp phát dọn băng trắng ngăn cản lửa ngay phía trước đầu hướng gió.
 - + Đảm bảo an toàn cho lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng.

3. Công tác khắc phục hậu quả

- Trong hoạt động khắc phục hậu quả sau thiên tai, ưu tiên công tác tìm kiếm người bị mất tích; cứu chữa người bị thương và thăm hỏi, động viên gia đình người bị nạn; hỗ trợ khẩn cấp lương thực, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân khu vực bị thiên tai.
- Triển khai kịp thời công tác vệ sinh môi trường, tiêu độc, khử trùng; phòng, chống dịch bệnh, chăm sóc y tế; xử lý nguồn nước sạch cho người dân khu vực bị thiên tai.
- Tổ chức thống kê, đánh giá đúng thực tế thiệt hại do thiên tai gây ra, tổng hợp báo cáo kịp thời cấp trên; đề xuất nhu cầu hỗ trợ và phương án khắc phục hậu quả.
- Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu và các điều kiện thiết yếu khác để phục hồi sản xuất; cung ứng vật tư, hàng hóa thiết yếu và thực hiện biện pháp quản lý bình ổn giá, bình ổn thị trường.
- Hỗ trợ sửa chữa, khắc phục trước mắt các công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, cơ sở y tế, trường học, thủy lợi, cấp nước, điện lực, thông tin liên lạc,... nhằm giải quyết những nhu cầu cấp thiết của nhân dân; tiến hành phân loại các công trình hạ tầng bị hư hỏng nặng đưa vào chương trình, kế hoạch trung hạn, dài hạn để sửa chữa, khôi phục, nâng cấp theo hướng bền vững, lâu dài.
- Huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ: Việc huy động nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai phải được thực hiện trên tinh thần tương thân, tương ái, lá lành đùm lá rách trong cộng đồng; nhà nước và nhân dân cùng làm; cộng đồng doanh nghiệp và các nhà hảo tâm cùng hỗ trợ. Tổ chức tiếp nhận, phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn lực cứu trợ phải đảm bảo đúng mục đích và hiệu quả; đúng đối tượng, công bằng, dân chủ, công khai và minh bạch.

4. Dự kiến các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

4.1. Danh mục dự kiến các dự án ưu tiên đầu tư

Giai đoạn 2022-2025 tập trung ưu tiên kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao

năng lực chỉ đạo, chỉ huy của lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai; trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị Văn phòng thường trực Chỉ huy PCTT từ tỉnh xuống đến cơ sở; sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất; đầu tư tu bổ, nâng cấp các công trình phòng, chống thiên tai, đặc biệt là công trình đê điều xung yếu và các công trình hồ đập đang hư hỏng, không đảm bảo an toàn,... trên địa bàn tỉnh.

4.2. Nguồn lực thực hiện

Tổng mức đầu tư các dự án thuộc Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2022-2025, tỉnh Thanh Hóa khoảng 6.908,247 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn Trung ương (Ngân sách Trung ương, vốn ODA và các nguồn vốn hợp pháp khác): 4.946,213 tỷ đồng.

- Nguồn vốn địa phương (Ngân sách địa phương, Quỹ Phòng, chống thiên tai và các nguồn huy động hợp pháp khác): 1.962,034 tỷ đồng.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

PHẦN IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2022-2025, tỉnh Thanh Hóa, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương triển khai thực hiện; lồng ghép nội dung của kế hoạch với các hoạt động có liên quan của các chương trình, dự án khác của đơn vị để tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao nhất; tổ chức đánh giá, báo cáo định kỳ về tiến độ thực hiện, kiến nghị điều chỉnh nội dung kế hoạch theo quy định.

2. Văn phòng thường trực Chỉ huy Phòng, chống thiên tai tỉnh có trách nhiệm tham mưu cho Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh chỉ đạo công tác phòng, chống thiên tai; đôn đốc các sở, ban, ngành, các địa phương và đơn vị liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2022-2025, tỉnh Thanh Hóa; tổng hợp, đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch hàng năm và cả giai đoạn.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tăng cường kiểm tra, giám sát đảm bảo việc thực thi pháp luật trong hoạt động phòng, chống thiên tai; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phương châm “4 tại chỗ” trong phòng, chống thiên tai và xây dựng cộng đồng an toàn gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn công tác tu bổ, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai như đê điều, hồ đập, hệ thống tiêu úng, các khu neo đậu tránh trú bão và các công trình phòng, chống thiên tai khác.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nâng cao năng lực cơ quan

thường trực phòng, chống thiên tai và đội ngũ làm công tác phòng, chống thiên tai các cấp; đẩy mạnh truyền thông, nâng cao kiến thức và kỹ năng ứng phó trong phòng, chống thiên tai; hiện đại hóa thiết bị thông tin liên lạc, thiết bị bảo đảm an toàn và giám sát tàu thuyền hoạt động trên biển.

- Chỉ đạo chuyển đổi sản xuất thích ứng với thiên tai, biến đổi khí hậu; ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, tưới, tiêu, cấp nước.

- Chỉ đạo các chủ hồ chứa thủy lợi thực hiện nghiêm quy định về quản lý an toàn đập và quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa.

- Tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn công tác phòng cháy, chữa cháy rừng nói chung và do thiên tai gây ra nói riêng trên địa bàn tỉnh.

4. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Phụ trách công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn chung theo quy định tại khoản 1, Điều 8 Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ; trực tiếp phụ trách công tác tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên đất liền; tổ chức, chỉ đạo và chỉ huy lực lượng quân đội, dân quân tự vệ, dự bị động viên phối hợp với các đơn vị của Bộ Quốc phòng, Quân khu 4 đóng trên địa bàn tìm kiếm cứu nạn, xử lý các tình huống khẩn cấp; chỉ đạo, chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc tổ chức lực lượng, sẵn sàng phương tiện, trang thiết bị, vật tư chuyên dùng để ứng phó, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh xây dựng, kiện toàn lực lượng ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp của lực lượng ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; tổ chức huấn luyện, diễn tập ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong các tình huống để chủ động ứng phó.

5. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Phụ trách công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên biên giới, vùng biển, đảo và công tác ứng phó sự cố tràn dầu; chỉ đạo bắn pháo hiệu báo bão, áp thấp nhiệt đới tại 4 điểm trên đất liền theo quy định tại Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ tại (núi Đâu Bò/Hoàng Hóa - Đồn Biên phòng Hoàng Trường; Trường Lê/Sầm Sơn - Đồn Biên phòng Sầm Sơn; núi Du Xuyên/Tĩnh Gia (nay là Nghi Sơn) - Đồn Biên phòng Hải Hòa; Đông Nam đảo Nghi Sơn - Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng Nghi Sơn); duy trì trực canh tại các Đài thông tin báo bão để thông báo, kêu gọi, hướng dẫn tàu thuyền di chuyển vào nơi tránh trú khi có bão, áp thấp nhiệt đới, thời tiết nguy hiểm; sẵn sàng tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin liên quan đến hoạt động cứu hộ, cứu nạn trên biển và các lĩnh vực thuộc trách nhiệm của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh.

6. Công an tỉnh: Chỉ đạo lực lượng Công an các đơn vị, địa phương phối hợp với các đơn vị chức năng kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về đê điều, phòng, chống thiên tai, thủy lợi, môi trường, tài nguyên nước, tập trung xử lý, ngăn chặn tình trạng khai thác cát sỏi và lập bến bãi tập kết trái phép, lấn chiếm lòng sông, bãi sông, gây cản trở dòng chảy. Tham gia thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn theo quy định; bảo đảm an ninh, trật tự

an toàn xã hội, cùng ngành Giao thông vận tải bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt khi xảy ra thiên tai.

7. Hội Chữ thập đỏ tỉnh: Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đơn vị liên quan kêu gọi, vận động các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra. Triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Kế hoạch đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai giai đoạn 2020-2025, tỉnh Thanh Hóa được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án về phòng, chống thiên tai. Tham mưu lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

9. Sở Tài chính: Trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí để tham mưu, báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn vốn ngân sách địa phương theo phân cấp; nguồn dự phòng NSTW hỗ trợ và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tăng cường kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc khai thác tài nguyên, khoáng sản, đặc biệt là quản lý khai thác cát, sỏi lòng sông, ven biển tại những khu vực có nguy cơ làm gia tăng rủi ro thiên tai.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh sớm phê duyệt kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh; ban hành chính sách đẩy mạnh xã hội hóa một số hoạt động khí tượng thủy văn, xây dựng hệ thống quan trắc chuyên dùng phòng, chống thiên tai đảm bảo thiết thực, hiệu quả phục vụ công tác phòng, chống thiên tai; tiếp tục xây dựng hệ thống quan trắc cảnh báo sớm lũ ống, lũ quét và sạt lở đất tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa. Tăng cường rà soát, cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng, dự báo dài hạn về thiên tai, nguồn nước, nhất là đối với các hệ thống sông trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh tổ chức quan trắc, đo đạc, theo dõi chặt chẽ, dự báo và cung cấp thông tin kịp thời về tình hình thiên tai và dòng chảy trên các sông phục vụ công tác chỉ đạo, ứng phó; tiếp tục nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; dự báo sớm, dài hạn, bảo đảm thông tin kịp thời, tin cậy, chính xác.

- Có kế hoạch dự phòng chuẩn bị đầy đủ các loại vật tư, thiết bị để sẵn sàng tham gia công tác xử lý môi trường sau thiên tai.

11. Sở Công Thương

- Chỉ đạo các chủ hồ chứa thủy điện thực hiện nghiêm quy định về quản lý

an toàn đập, quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và cung cấp số liệu, thông tin cho các cơ quan, đơn vị quy định theo Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã; lắp đặt hệ thống báo động, thông tin đến các hộ dân vùng hạ lưu nhận biết các tín hiệu khi các hồ chứa thủy điện tiến hành xả lũ.

- Chỉ đạo đảm bảo an toàn trước thiên tai, không để xảy ra sự cố, tai nạn đối với khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản công nghiệp; chỉ đạo Công ty Điện lực Thanh Hóa và các tổ chức quản lý, kinh doanh điện trên địa bàn xây dựng phương án dự phòng khôi phục nhanh hệ thống điện sau thiên tai để phục vụ công tác khắc phục hậu quả, khôi phục sản xuất và dân sinh.

- Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, chỉ đạo dự trữ hàng hóa thiết yếu, chú trọng khu vực thường xuyên bị thiên tai, nhất là vùng sâu, vùng xa; phối hợp với các địa phương và các ngành liên quan thực hiện tốt việc dự phòng tại chỗ khi thiên tai xảy ra và ổn định thị trường.

12. Sở Giao thông vận tải

- Chủ trì xây dựng và triển khai phương án đảm bảo giao thông trên các tuyến đường bộ, đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan xây dựng và triển khai phương án đảm bảo giao thông trên các tuyến đường sắt, đường hàng không, đường hàng hải và đường bộ ngoài phạm vi quản lý.

- Chủ trì kiểm tra, rà soát, xác định các vị trí, đoạn tuyến đường bộ, ngầm, tràn hay xảy ra ngập lụt, sạt lở gây tắc đường và có phương án khắc phục kịp thời hậu quả thiên tai, đảm bảo thông xe trong thời gian sớm nhất.

- Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh trong công tác điều động phương tiện theo Hiệp đồng phương tiện đã ký với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh khi có tình huống xảy ra.

13. Sở Y tế xây dựng kế hoạch dự phòng đầy đủ các cơ sở thuốc, dụng cụ y tế phục vụ phòng, chống thiên tai; tổ chức các đội cứu, tải thương để sẵn sàng làm nhiệm vụ khi có tình huống xảy ra; hướng dẫn công tác vệ sinh môi trường và tham gia phòng, chống dịch bệnh sau thiên tai.

14. Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng và tổ chức thực hiện phương án đảm bảo thông tin liên lạc để phục vụ chỉ huy, chỉ đạo công tác phòng, chống thiên tai của Lãnh đạo tỉnh và Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống thiên tai, các biện pháp, kỹ năng ứng phó khi xảy ra thiên tai tới nhân dân và các cấp chính quyền, nhất là ở cơ sở.

15. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, tham mưu cho UBND tỉnh ưu tiên đặt hàng các nhiệm vụ khoa

học và công nghệ về viễn thám, tin học, tự động hóa trong quản lý, khai thác, vận hành cơ sở dữ liệu, công cụ hỗ trợ chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai.

16. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường công tác kiểm tra, tuyên truyền đến các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho người, thiết bị và công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn, đặc biệt là trong mùa mưa bão; nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ sử dụng vật liệu mới, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, phù hợp với đặc điểm thiên tai đặc thù của các địa phương, nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng, công trình phòng, chống thiên tai đảm bảo an toàn với tần suất thiết kế và thích ứng với các tác động cực đoan của thiên tai.

17. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng, rà soát, cập nhật Kế hoạch phòng, chống thiên tai của địa phương phù hợp với Kế hoạch của tỉnh và tình hình thực tế. Tổ chức thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nội dung của Kế hoạch và các chương trình, đề án, dự án phòng, chống thiên tai thuộc trách nhiệm quản lý.

- Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; chú trọng nguồn lực tại chỗ theo phương châm “4 tại chỗ”.

- Bố trí ngân sách hàng năm và huy động các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và Kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương.

18. Các sở, ban, ngành, đơn vị khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2022-2025, tỉnh Thanh Hóa, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

Yêu cầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan, khẩn trương tổ chức thực hiện kế hoạch. Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo QG về PCTT;
 - Ủy ban QG UPSCTT và TKCN;
 - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
 - Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
 - UBND các huyện, thị xã, thành phố;
 - Lưu: VT, NN.
- } (đề b/c);

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đỗ Minh Tuấn

**Phụ lục: DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI
GIAI ĐOẠN 2022-2025, TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	DỰ ÁN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	TRONG ĐÓ		GHI CHÚ
			Trung ương	Địa phương	
I	DỰ ÁN PHI CÔNG TRÌNH	300.346	252.213	48.133	
1	Kiến toàn tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai các cấp theo hướng đồng bộ, thống nhất, chuyên nghiệp. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác PCTT các cấp từ tỉnh đến cơ sở theo hướng chuyên nghiệp	8.000	0	8.000	Quỹ Phòng, chống thiên tai
2	Điều tra, đánh giá thực trạng và tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đến xói lở và bồi lắng vùng cửa sông và ven biển tỉnh Thanh Hóa	5.000	0	5.000	Ngân sách địa phương
3	Xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh	5.000	0	5.000	Ngân sách địa phương
4	Xây dựng công nghệ dự báo lũ trên các lưu vực sông thuộc địa bàn tỉnh	20.000	20.000	0	Ngân sách Trung ương
5	Xây dựng hệ thống quan trắc cảnh báo sớm lũ ống, lũ quét và sạt lở đất tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2	6.133	0	6.133	Ngân sách địa phương
6	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai	10.000	0	10.000	Quỹ Phòng, chống thiên tai (Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 17/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)
7	Xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	2.000	0	2.000	Ngân sách địa phương
8	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị Văn phòng thường trực Chỉ huy PCTT từ tỉnh xuống đến cơ sở	12.000	0	12.000	Quỹ Phòng, chống thiên tai
9	Xây dựng hệ thống quản lý thông tin thủy lợi tổng hợp tại lưu vực sông Mã - miền Trung Việt Nam	232.213	232.213	0	Vốn ODA do Chính phủ Hàn Quốc viện trợ không hoàn lại 208.485 triệu đồng

TT	DỰ ÁN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	TRONG ĐÓ		GHI CHÚ
			Trung ương	Địa phương	
II	DỰ ÁN CÔNG TRÌNH	6.607.901	4.694.000	1.913.901	
II.1	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP	258.696	0	258.696	
1	Tu bổ, nâng cấp tuyến đê hữu sông Lèn, đoạn từ đê Cô Đôi, xã Châu Lộc đến cầu Đò Lèn, xã Đồng Lộc, huyện Hậu Lộc	12.996	0	12.996	Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh
2	Khu neo đậu tàu thuyền phục vụ di dân, tái định cư xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)	30.000	0	30.000	Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh
3	Nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn một số hồ đập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	26.200	0	26.200	Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh
4	Cải dịch sông Tuần Cung, Khu Kinh tế Nghi Sơn	20.000	0	20.000	Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh
5	Tu bổ, nâng cấp đê tả, hữu sông Cầu Chày, huyện Thọ Xuân	22.000	0	22.000	Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh
6	Di dân tái định cư lòng hồ Yên Mỹ từ cao trình (+18.50) m đến cao trình (+20.36) m	100.000	0	100.000	Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh
7	Đầu tư xây dựng Trạm bơm tưới Vĩnh Hùng	45.000	0	45.000	Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh
8	Hệ thống cấp nước tưới huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)	2.500	0	2.500	Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh
II.2	CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ	3.155.205	1.500.000	1.655.205	
1	Tiêu vùng 3 Nông Cống (giai đoạn 2), tỉnh Thanh Hóa	450.000	450.000	0	Quyết định số 3232/QĐ-BNN-KH ngày 21/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT
2	Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ vùng Bắc Thanh Hóa	800.000	800.000	0	Quyết định số 3312/QĐ-BNN-KH ngày 23/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT

TT	DỰ ÁN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	TRONG ĐÓ		GHI CHÚ
			Trung ương	Địa phương	
3	Trạm bơm Hoàng Khánh, tỉnh Thanh Hóa	250.000	250.000	0	Quyết định số 3270/QĐ-BNN-KH ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT
4	Đầu tư xây dựng và nâng cấp đê Tam Điệp và cầu Hà Lan, thị xã Bim Sơn	268.630	0	268.630	Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
5	Nâng cấp, cải tạo đê hữu sông Dừa, huyện Thiệu Hóa	130.000	0	130.000	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
6	Nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760-K33+500, huyện Nông Công	59.000	0	59.000	Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
7	Nâng cấp, tu bổ các đoạn xung yếu tuyến đê sông Tiêu Thủy, huyện Thọ Xuân	30.000	0	30.000	Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
8	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoạt đoạn từ K27+700 đến K43+100, huyện Nga Sơn	166.300	0	166.300	Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
9	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Càn, xã Nga Phú, huyện Nga Sơn	79.200	0	79.200	Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
10	Kiên cố hóa kênh 10 xã, huyện Hậu Lộc	76.500	0	76.500	Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
11	Kè chống sạt lở cục bộ kết hợp chỉnh trang phát triển đô thị, khai thác quỹ đất khu vực thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh	109.000	0	109.000	Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
12	Xây dựng mới hệ thống trạm bơm Yên Tôn, xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Lộc (thay thế trạm bơm Yên Tôn, xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc)	110.000	0	110.000	Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
13	Nạo vét, thanh thải dải đá ngầm luồng tàu, khu vực cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão tàu thuyền nghề cá Lạch Bạng, thị xã Nghi Sơn	76.800	0	76.800	Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
14	Dự án thuộc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021-2025	549.775	0	549.775	Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh

TT	DỰ ÁN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	TRONG ĐÓ		GHI CHÚ
			Trung ương	Địa phương	
II.3	CÁC DỰ ÁN ĐANG ĐỀ XUẤT CÁC CẤP CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT	3.194.000	3.194.000	0	
1	Tu bổ, nâng cấp, xử lý các trọng điểm xung yếu tuyến đê sông Mã đoạn từ Cầu Hoàng Long đến cửa Hới, tỉnh Thanh Hóa	800.000	800.000	0	Đề xuất đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý (Công văn số 14121/UBND-THKH ngày 08/10/2020 của UBND tỉnh)
2	Cụm trạm bơm tiêu Lưu-Phong-Châu, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	250.000	250.000	0	Đề xuất đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý (Công văn số 14121/UBND-THKH ngày 08/10/2020 của UBND tỉnh)
3	Đập Tá Hương (Chiềng Lau) xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	100.000	100.000	0	Đề xuất đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý (Công văn số 14121/UBND-THKH ngày 08/10/2020 của UBND tỉnh)
4	Trạm bơm Hoằng Vinh, huyện Hoằng Hóa	80.000	80.000	0	Đề xuất đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý (Công văn số 1884/UBND-THKH ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh)
5	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống tưới Bái Thượng	80.000	80.000	0	Đề xuất đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý (Công văn số 1884/UBND-THKH ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh)
6	Đê tả sông Mã đoạn từ K0-K28 thuộc các xã Vĩnh Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Tiến, Vĩnh Thành, Ninh Khang, Vĩnh Hòa, Vĩnh Hùng, Minh Tân và Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc	700.000	700.000	0	Đề xuất đưa vào dự án CAIFRM/ADB10 (Công văn số 7186/UBND-NN ngày 04/6/2020 của UBND tỉnh)

TT	DỰ ÁN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	TRONG ĐÓ		GHI CHÚ
			Trung ương	Địa phương	
7	Đê hữu sông Mã đoạn từ K0-K13+200 thuộc các xã Quý Lộc, Yên Thọ, Yên Trường, Yên Phong, Yên Thái, huyện Yên Định	260.000	260.000	0	Đề xuất đưa vào dự án CAIFRM/ADB10 (Công văn số 7186/UBND-NN ngày 04/6/2020 của UBND tỉnh)
8	Đê hữu sông Chu đoạn từ K10+750-K15+300 thuộc các xã Thọ Hải, Xuân Hòa, huyện Thọ Xuân	182.000	182.000	0	Đề xuất đưa vào dự án CAIFRM/ADB10 (Công văn số 7186/UBND-NN ngày 04/6/2020 của UBND tỉnh)
9	Đê hữu sông Chu đoạn từ K42+277-K48+500 thuộc các xã Thiệu Đô, Tân Châu, huyện Thiệu Hóa và xã Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa	298.000	298.000	0	Đề xuất đưa vào dự án CAIFRM/ADB10 (Công văn số 7186/UBND-NN ngày 04/6/2020 của UBND tỉnh)
10	Đê tả sông Mã đoạn từ K51+500-K53+866 thuộc xã Hoằng Đại, thành phố Thanh Hóa và các xã Hoằng Trạch, Hoằng Tân, huyện Hoằng Hóa	39.000	39.000	0	Đề xuất đưa vào dự án CAIFRM/ADB10 (Công văn số 7186/UBND-NN ngày 04/6/2020 của UBND tỉnh)
11	Đê hữu sông Lèn đoạn từ K18+642-K23+745 thuộc các xã Quang Lộc, Liên Lộc, Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc	115.000	115.000	0	Đề xuất đưa vào dự án CAIFRM/ADB10 (Công văn số 7186/UBND-NN ngày 04/6/2020 của UBND tỉnh)
12	Đê tả sông Lèn đoạn từ K27+918-K32 thuộc các xã Nga Thạch, Nga Bạch, huyện Nga Sơn	40.000	40.000	0	Đề xuất đưa vào dự án CAIFRM/ADB10 (Công văn số 7186/UBND-NN ngày 04/6/2020 của UBND tỉnh)
13	Kè chống sạt lở bờ tả, hữu sông Chu (đoạn qua địa bàn các xã: Thiệu Phúc, Minh Tâm, Thiệu Vận và thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa) và tuyến đê tả sông Lèn (đoạn qua địa bàn các xã: Hà Sơn, Hà Ngọc, huyện Hà Trung)	250.000	250.000	0	Đề xuất thực hiện từ nguồn NSTW thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (Công văn số 2036/UBND-THKH ngày 15/02/2022 của UBND tỉnh)
TỔNG CỘNG		6.908.247	4.946.213	1.962.034	